

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025



Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Đức Thành	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên
Ông Trần Đức Tân	Thành viên
Ông Đỗ Đức Mạnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Ngọc Long	Trưởng Ban
Ông Bùi Xuân Ninh	Thành viên (Kiêm Trưởng phòng KTKH)
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Đỗ Đức Mạnh	Trưởng ban
Ông Hoàng Duy Hưng	Thành viên
Bà Lê Thị Mỹ Tường Vân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Quang Tuyền	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Năm	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Hồ Thị Huế

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Tuyền – Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quang Tuyên
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Số: 921/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này tại ngày 23/08/2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 25/02/2024.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.094.815.158.587	1.067.313.411.257
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	209.487.824.463	269.276.037.051
Tiền	111		7.487.824.463	23.276.037.051
Các khoản tương đương tiền	112		202.000.000.000	246.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	40.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		840.706.887.636	781.042.501.454
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	773.623.599.380	749.951.515.079
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.587.214.693	7.733.410.143
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	34.285.666.264	39.285.666.264
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	83.292.217.406	45.103.047.124
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(53.081.810.107)	(61.031.137.156)
Hàng tồn kho	140	11	2.532.835.040	1.621.565.421
Hàng tồn kho	141		2.532.835.040	1.621.565.421
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.087.611.448	373.307.331
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.928.531.718	373.307.331
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	159.079.730	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		279.564.782.795	288.714.374.907
Tài sản cố định	220		225.453.228.724	254.220.536.602
Tài sản cố định hữu hình	221	14	222.053.228.724	250.820.536.602
- Nguyên giá	222		1.959.001.017.501	1.959.893.449.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.736.947.788.777)	(1.709.072.913.065)
Tài sản cố định vô hình	227	15	3.400.000.000	3.400.000.000
- Nguyên giá	228		3.400.000.000	3.400.000.000
Tài sản dở dang dài hạn	240		19.801.220.610	20.447.152.747
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	19.801.220.610	20.447.152.747
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.841.309.273	1.841.309.273
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.841.309.273	1.841.309.273
Tài sản dài hạn khác	260		32.469.024.188	12.205.376.285
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	22.358.479.528	1.864.155.335
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.110.544.660	10.341.220.950
TỔNG TÀI SẢN	270		1.374.379.941.382	1.356.027.786.164

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
 Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		425.606.636.275	330.749.784.004
Nợ ngắn hạn	310		227.600.293.474	129.855.588.901
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	50.169.218.459	52.424.128.265
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		175.033.268	166.033.268
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	26.553.911.053	36.648.640.864
Phải trả người lao động	314		3.162.831.446	16.119.438.987
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.330.586.947	1.597.609.463
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	118.863.396.631	7.047.919.502
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	11.210.020.467	11.202.432.050
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.135.295.203	4.649.386.502
Nợ dài hạn	330		198.006.342.801	200.894.195.103
Phải trả dài hạn khác	337	20	30.000.000	30.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	193.742.818.684	196.974.512.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải	341		4.233.524.117	3.889.682.960
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		948.773.305.107	1.025.278.002.160
Vốn chủ sở hữu	410	21	948.738.709.510	1.025.243.406.563
Vốn góp của chủ sở hữu	411		689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		689.986.200.000	689.986.200.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.212.070.479	1.212.070.479
Quỹ đầu tư phát triển	418		198.246.008.556	178.246.008.556
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.859.574.931	145.967.532.187
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a		1.403.179.362	3.502.785.536
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.456.395.569	142.464.746.651
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.434.855.544	9.831.595.341
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.595.597	34.595.597
Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.595.597
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.374.379.941.382	1.356.027.786.164

Đồng Nai, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Bé



Hồ Thị Huệ



Nguyễn Quang Tuyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	153.666.311.988	146.943.938.269
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10		153.666.311.988	146.943.938.269
Giá vốn hàng bán	11	23	78.705.922.423	66.860.948.285
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.960.389.565	80.082.989.984
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	9.555.917.945	2.033.374.557
Chi phí tài chính	22	25	9.894.696.319	12.276.101.558
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.300.825.111	8.192.348.039
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	13.844.430.166	16.004.900.022
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.777.181.025	53.835.362.961
Thu nhập khác	31		485.741.000	244.983.060
Chi phí khác	32		66.419.090	479.865.156
Lợi nhuận khác	40		419.321.910	(234.882.096)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.196.502.935	53.600.480.865
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	12.793.006.006	12.194.862.993
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		343.841.157	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.059.655.772	41.405.617.872
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		48.456.395.569	41.899.598.520
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(396.739.797)	(493.980.648)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	702	607
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	702	607

Đồng Nai, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đào Thị Bé

Hồ Thị Hué

Nguyễn Quang Tuyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	61.196.502.935	53.600.480.865
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	28.860.535.554	28.374.370.012
Các khoản dự phòng	03	(7.949.327.049)	(500.000.000)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.531.557.092	3.971.246.687
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(9.679.470.147)	(2.033.342.642)
Chi phí lãi vay	06	7.300.825.111	8.192.348.039
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	82.260.623.496	91.605.102.961
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(55.730.245.989)	(28.858.071.218)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(680.593.329)	674.194.907
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(17.259.713.535)	(9.684.690.796)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(22.049.548.580)	(778.254.485)
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.424.383)	(144.020.125)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.571.479.344)	(21.650.228.125)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.196.448.800)	(2.844.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(40.237.830.464)	28.319.633.119
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.229.581.663)	(161.906.250)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	123.954.545	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.504.842.651	2.533.342.642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.600.784.467)	2.371.436.392

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	1.900.000.000	3.450.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.850.000.000)	(7.450.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.586.847.513)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.950.000.000)	(6.586.847.513)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(59.788.614.931)	24.104.221.998
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 4	269.276.037.051	171.003.987.206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	402.343	31.915
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 4	209.487.824.463	195.108.241.119

Đồng Nai, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Đào Thị Bé

Kế toán trưởng

Hồ Thị Huế

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Tuyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và việc chuyển BOT Cần Đơn thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4403000032 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số đăng ký kinh doanh thành 3801068943, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Ấp Thanh Thủy, Xã Thiện Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có các công ty con, công ty liên kết (hoặc đơn vị hạch toán phụ thuộc) như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Làng Kon Sơ Lãng, Xã Ia Khrol, tỉnh Gia Lai	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	81,25	81,25

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn – Nhà máy Thủy Điện Ry Ninh II	Tổ dân phố số 3, xã Ialy, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn – Nhà máy Thủy Điện Nà Lơi	Bản Nà Lơi, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 219 người (tại ngày 01/01/2025 là 223 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2025 của Công ty mẹ và Công ty con. Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con), gọi chung là Nhóm công ty. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty mẹ phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công ty mẹ đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Công ty mẹ thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mẹ vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo hợp nhất về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của tại Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
- Máy móc, thiết bị	03 - 25
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Riêng đối với tài sản cố định là Nhà máy thủy điện Cần Đơn được thực hiện khấu hao theo sản lượng điện sản xuất trong năm trên tổng sản lượng thiết kế vận hành tính trong thời gian hoạt động của nhà máy là 25 năm kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động.

3.10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không thực hiện khấu hao tại lô đất số 165 Trường Chinh, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 03 năm kể từ thời điểm phát sinh chi phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi danh sách cổ đông nhận cổ tức được phê duyệt và được UBCK chấp thuận

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (chi tiết nhóm hàng hóa sản phẩm thực bán của Công ty), xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.
- Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ và các công ty con có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và công ty mẹ và các công ty con có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ và các công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	387.425.350	817.164.111
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.100.399.113	22.458.872.940
- Các khoản tương đương tiền (*)	202.000.000.000	246.000.000.000
Cộng	209.487.824.463	269.276.037.051

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng, lãi suất dao động từ 3,0% - 3,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN Tân Bình	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.841.309.273	-	(*)	1.841.309.273	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Thủy Điện Ry Ninh II - Đăkpsi (*)	1.841.309.273	-	(*)	1.841.309.273	-	(*)
Cộng	1.841.309.273	-	(*)	1.841.309.273	-	(*)

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Ry Ninh II – ĐăkPsi. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100255115. Vốn góp của Công ty CP Thủy điện Ry Ninh II – ĐăkPsi là 78.274.515.110 VND. Công ty đã đầu tư vào Công ty này 1.841.309.273 VND, tương đương tỷ lệ là 2,35%.

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	773.623.599.380	(291.270.500)	749.951.515.079	(291.270.500)
- Phải thu khách hàng bên liên quan	769.248.610.369	-	745.913.208.813	-
- Tổng Công ty Sông Đà - Công ty CP	769.248.610.369	-	745.913.208.813	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.374.989.011</i>	<i>(291.270.500)</i>	<i>4.038.306.266</i>	<i>(291.270.500)</i>
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	3.691.485.611	-	3.656.035.766	-
- Các đối tượng khác	683.503.400	(291.270.500)	382.270.500	(291.270.500)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	773.623.599.380	(291.270.500)	749.951.515.079	(291.270.500)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	2.587.214.693	-	7.733.410.143	-
- Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị Công nghiệp Việt Nam	-	-	5.848.808.280	-
- Công ty CP TM-XD-CK-Điện tự động hóa COMEECO	986.700.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.600.514.693	-	1.884.601.863	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.587.214.693	-	7.733.410.143	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	34.285.666.264	(34.285.666.264)	39.285.666.264	(39.285.666.264)
<i>Phải thu bên liên quan</i>	5.000.000.000	(5.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
Công ty CP Điện Việt Lào (1)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	29.285.666.264	(29.285.666.264)	29.285.666.264	(29.285.666.264)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (2)	29.285.666.264	(29.285.666.264)	29.285.666.264	(29.285.666.264)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	34.285.666.264	(34.285.666.264)	39.285.666.264	(39.285.666.264)

- (1) Khoản cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 02/2012/HDVV/CD-VL ngày 29 tháng 6 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01/2024/PLHD/CD-VL ngày 12 tháng 9 năm 2024:
- Gia hạn thời gian cho vay đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.
 - Từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 áp dụng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Nợ gốc và lãi vay từ ngày 29 tháng 6 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 được thanh toán theo lịch trả nợ và vào trước ngày cuối cùng của mỗi quý kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2024. Trong kỳ, Công ty đã thu được 5.000.000.000 VNĐ nợ gốc và 5.721.917.808 VNĐ lãi cho vay từ Điện Việt Lào. Đồng thời, Công ty vẫn theo dõi dự phòng 100% tương ứng với nợ gốc còn lại.
- (2) Đây là tài khoản cho vay được Công ty ký kết hợp đồng với Công ty CP Xi măng Hạ Long (“Xi măng Hạ Long”) từ năm 2012. Thời hạn cho vay 01 năm, lãi suất theo lãi cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước áp dụng cho từng tài khoản vay ngắn hạn của Công ty theo thời điểm. Lãi suất quá hạn là 150% trong thời hạn. Gốc tài khoản vay được thanh toán 01 lần vào thời điểm hạn mức, lãi suất cho vay được thu vào ngày 10 của tháng đầu quý, trường hợp lãi vay quá hạn thanh toán sẽ tính lãi như gốc vay. Trường hợp vay không đủ tiền để thanh toán nợ gốc, lãi thì Công ty quyết định thứ tự ưu tiên trả lãi trước trả gốc sau. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	83.292.217.406	(18.504.873.343)	45.103.047.124	(21.454.200.392)
<i>Phải thu bên liên quan</i>	44.963.672.093	-	7.388.965.116	-
- Tổng công ty Sông Đà - CTCP (1)	44.963.672.093	-	7.388.965.116	-
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	38.328.545.313	(18.504.873.343)	37.714.082.008	(21.454.200.392)
- Tạm ứng	2.278.467.899	-	258.925.202	-
- Phải thu tiền điện của TCT Điện lực Miền Bắc (1)	5.618.588.442	-	3.737.614.465	-
- Phải thu tiền lãi cho vay Công ty CP Thủy điện Trà Xom	-	-	2.949.327.049	(2.949.327.049)
- Phải thu tiền điện của TCT Điện lực Miền Trung (2)	23.927.560.764	(12.351.450.902)	24.150.575.681	(12.351.450.902)
- Phải thu khác	6.503.928.208	(6.153.422.441)	6.617.639.611	(6.153.422.441)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	83.292.217.406	(18.504.873.343)	45.103.047.124	(21.454.200.392)

(1) Đây là các khoản phải thu liên quan đến doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn của tháng 6 năm 2025.

(2) Bao gồm khoản phải thu tiền bán điện thương phẩm từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (“EVN miền Trung”) từ ngày 26 tháng 4 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo đơn giá quy định trong hợp đồng mua bán điện giữa Tổng Công ty Sông Đà và Công ty Điện lực III – Tổng Công ty Điện lực Việt Nam ký ngày 29 tháng 12 năm 1999 (tương đương 22.131.223.975 VND), hợp đồng này có hiệu lực đến ngày 25 tháng 4 năm 2022. Công ty và EVN miền Trung đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 07 – Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc phát điện trở lại cho EVN miền Trung với đơn giá tạm thời từ ngày 27 tháng 3 năm 2023; tuy nhiên, Công ty xác định đây cũng chỉ là đơn giá tạm áp dụng cho việc phát điện trở lại, chưa phải đơn giá được thống nhất cuối cùng. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty và Chi nhánh Ry Ninh II đang trình các phương án đơn giá điện và làm việc với EVN miền Trung cùng các cơ quan Nhà nước để tái ký hợp đồng cung cấp điện trong thời gian tới, cũng như thực hiện xử lý và thu hồi khoản công nợ phải thu tiền điện từ ngày 26 tháng 4 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. NỢ XẤU

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu khách hàng	291.270.500	-	(291.270.500)	291.270.500	-	(291.270.500)
Công ty CP Thủy điện Ry Ninh II - Đăkpsi	25.000.000	-	(25.000.000)	25.000.000	-	(25.000.000)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Thành - CN Pakhoang Điện	121.270.500	-	(121.270.500)	121.270.500	-	(121.270.500)
Công ty CP Cơ điện Tấn Phát Đakne	145.000.000	-	(145.000.000)	145.000.000	-	(145.000.000)
- Phải thu về cho vay	34.285.666.264	-	(34.285.666.264)	39.285.666.264	-	(39.285.666.264)
Công ty CP Xi măng Hạ Long	29.285.666.264	-	(29.285.666.264)	29.285.666.264	-	(29.285.666.264)
Công ty CP Điện Việt Lào	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)
- Phải thu khác	30.080.983.205	11.576.109.862	(18.504.873.343)	33.253.325.171	11.799.124.779	(21.454.200.392)
Công ty CP Thủy điện Ry Ninh II - Công ty CP Thủy điện Trà Xom	65.587.340	-	(65.587.340)	65.587.340	-	(65.587.340)
Nguyễn Thành Nam	-	-	-	2.949.327.049	-	(2.949.327.049)
Tổng Công ty điện lực Miền Trung	3.162.000.000	-	(3.162.000.000)	3.162.000.000	-	(3.162.000.000)
Các đối tượng khác	23.927.560.764	11.576.109.862	(12.351.450.902)	24.150.575.681	11.799.124.779	(12.351.450.902)
	2.925.835.101	-	(2.925.835.101)	2.925.835.101	-	(2.925.835.101)
Cộng	64.657.919.969	11.576.109.862	(53.081.810.107)	72.830.261.935	11.799.124.779	(61.031.137.156)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.497.701.840	-	1.595.525.421	-
Công cụ, dụng cụ	24.767.000	-	26.040.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.366.200	-	-	-
Cộng	2.532.835.040	-	1.621.565.421	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	19.801.220.610	20.447.152.747
- Hệ thống DCS (Mesto)	-	697.261.904
- Sửa chữa	51.329.767	-
- Công trình Thủy Điện Hà Tây (*)	19.749.890.843	19.749.890.843
Cộng	19.801.220.610	20.447.152.747

(*) Nhà máy Thủy điện Hà Tây đã hoàn thành đưa vào vận hành từ tháng 7 năm 2015 nhưng quyết toán công trình vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các chi phí xây dựng công trình tập hợp đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được kết chuyển tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính (xem thuyết minh số 14). Các chi phí xây dựng công trình tập hợp sau thời điểm này được trình bày ở chi tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang". Khi quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các khoản chi phí này sẽ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu giá trị quyết toán được phê duyệt hơn giá trị tạm tính.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.928.531.718	373.307.331
- Chi phí bảo hiểm	63.304.422	87.778.028
- Thí nghiệm hiệu chỉnh	-	200.803.694
- Chi phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.691.931.000	-
- Các khoản khác	173.296.296	84.725.609
b) Dài hạn	22.358.479.528	1.864.155.335
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	125.173.948	909.050.574
- Chi phí nâng cấp hệ thống DCS	19.110.931.904	-
- Các khoản khác	3.122.373.676	955.104.761
Cộng	24.287.011.246	2.237.462.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	1.065.390.880.246	728.990.750.310	162.933.412.213	2.578.406.898	1.959.893.449.667
- Mua trong kỳ	-	66.000.000	-	61.500.000	127.500.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.019.932.166)	-	(1.019.932.166)
30/06/2025	<u>1.065.390.880.246</u>	<u>729.056.750.310</u>	<u>161.913.480.047</u>	<u>2.639.906.898</u>	<u>1.959.001.017.501</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(891.490.739.040)	(655.152.563.945)	(160.003.066.434)	(2.426.543.646)	(1.709.072.913.065)
- Khấu hao trong kỳ	(16.304.785.702)	(10.218.341.436)	(2.339.989.882)	(31.690.858)	(28.894.807.878)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.019.932.166	-	1.019.932.166
30/06/2025	<u>(907.795.524.742)</u>	<u>(665.370.905.381)</u>	<u>(161.323.124.150)</u>	<u>(2.458.234.504)</u>	<u>(1.736.947.788.777)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	<u>173.900.141.206</u>	<u>73.838.186.365</u>	<u>2.930.345.779</u>	<u>151.863.252</u>	<u>250.820.536.602</u>
30/06/2025	<u>157.595.355.504</u>	<u>63.685.844.929</u>	<u>590.355.897</u>	<u>181.672.394</u>	<u>222.053.228.724</u>

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 222.053.228.724 VND (tại ngày 01/01/2025 là 216.430.446.716 VND).

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 136.539.545.139 VND (tại ngày 01/01/2025 là 137.172.770.639 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Nguyên giá tài sản cố định là Nhà máy Thủy điện Hà Tây đang được ghi nhận theo giá tạm tính theo Quyết định số 49a/QĐ-CT-TCKT ngày 09 tháng 07 năm 2015 của Giám đốc Công ty CP Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên là 258.765.935.011 VND (bao gồm Nhà cửa vật kiến trúc là 169.392.273.157 VND và Máy móc thiết bị là 89.373.661.854 VND) do quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình hoàn thành của Nhà máy chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình tập hợp sau thời điểm tạm tăng nguyên giá tài sản cố định được trình bày ở chỉ tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Khi quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các khoản chi phí này sẽ được ghi tăng thêm giá nếu giá trị quyết toán được phê duyệt lớn hơn giá trị tạm tính.

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại lô đất số 165 Trường Chinh, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai có nguyên giá 3.400.000.000 VND.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng VND	Giá trị VND	Số có khả năng VND
a) Ngắn hạn	50.169.218.459	50.169.218.459	52.424.128.265	52.424.128.265
- Phải trả người bán là các bên liên quan	33.714.319.292	33.714.319.292	33.714.319.292	33.714.319.292
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	25.785.076.737	25.785.076.737	25.785.076.737	25.785.076.737
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	2.123.747.767	2.123.747.767	2.123.747.767	2.123.747.767
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	2.725.882.302	2.725.882.302	2.725.882.302	2.725.882.302
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	3.008.693.486	3.008.693.486	3.008.693.486	3.008.693.486
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	70.919.000	70.919.000	70.919.000	70.919.000
- Phải trả người bán là các đối tượng khác	16.454.899.167	16.454.899.167	18.709.808.973	18.709.808.973
Công ty Hữu hạn Thiết bị Phát điện Linh Lăng Hằng Viễn	8.927.696.628	8.927.696.628	8.927.696.628	8.927.696.628
Các đối tượng khác	7.527.202.539	7.527.202.539	9.782.112.345	9.782.112.345
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	50.169.218.459	50.169.218.459	52.424.128.265	52.424.128.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.943.591.003	6.371.161.053	7.763.224.895	1.551.527.161
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.363.550.866	12.793.006.006	23.571.479.344	13.585.077.528
- Thuế thu nhập cá nhân	2.571.834.579	1.182.059.381	3.606.558.959	147.335.001
- Thuế tài nguyên	2.408.488.855	16.252.975.341	12.679.073.217	5.982.390.979
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	652.253.216	652.253.216	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.361.175.561	9.057.598.131	8.131.193.308	5.287.580.384
	36.648.640.864	46.309.053.128	56.403.782.939	26.553.911.053
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	159.079.730	159.079.730
	-	-	159.079.730	159.079.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2025		Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.210.020.467	11.210.020.467	7.725.043.448	7.717.455.031	11.202.432.050	11.202.432.050
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	<i>1.900.000.000</i>	<i>2.350.000.000</i>	<i>450.000.000</i>	<i>450.000.000</i>
+) Ông Trần Quang Hi	-	-	1.900.000.000	2.350.000.000	450.000.000	450.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>11.210.020.467</i>	<i>11.210.020.467</i>	<i>5.825.043.448</i>	<i>5.367.455.031</i>	<i>10.752.432.050</i>	<i>10.752.432.050</i>
+) Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (1)	6.210.020.467	6.210.020.467	3.325.043.448	2.867.455.031	5.752.432.050	5.752.432.050
+) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đông Gia Lai (2)	5.000.000.000	5.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	193.742.818.684	193.742.818.684	2.361.993.515	5.593.686.974	196.974.512.143	196.974.512.143
<i>Vay dài hạn</i>	<i>193.742.818.684</i>	<i>193.742.818.684</i>	<i>2.361.993.515</i>	<i>5.593.686.974</i>	<i>196.974.512.143</i>	<i>196.974.512.143</i>
+) Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (1)	86.299.818.684	86.299.818.684	2.361.993.515	3.093.686.974	87.031.512.143	87.031.512.143
+) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đông Gia Lai (2)	107.443.000.000	107.443.000.000	-	2.500.000.000	109.943.000.000	109.943.000.000
Cộng	204.952.839.151	204.952.839.151	10.087.036.963	13.311.142.005	208.176.944.193	208.176.944.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng vay lại vốn vay ADB số 02/2011/HDTD-ADB-TĐSD-CD ngày 30 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Tổng Công ty Sông Đà – CTCP. Mục tiêu vay vốn từ tài khoản vay ADB nguồn vốn OCR để thanh toán một phần nợ gốc tài khoản vay dài hạn dự án thủy điện Cần Đơn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước. Số tiền vay là 5.000.000 USD (Năm triệu Đô la Mỹ), thời hạn vay 25 năm bao gồm 5 năm ân hạn. Gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 15 tháng 5 và 15 tháng 11 năm không đổi theo thông báo trả nợ của bên cho vay, ADB và Sở Giao dịch I Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Lãi suất cho vay bao gồm lãi suất LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo; Lãi ứng dụng dao động từ 5,74% đến 5,98%/năm; Phí cho vay lại phải trả cho Tổng công ty Sông Đà – CTCP là 1%/năm trên số nợ gốc của tài khoản vay OCR, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay theo quy định.
- (2) Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 79/HĐTD ngày 29 tháng 12 năm 2012 với mục đích thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hà Tây. Hạn mức vay 158.943.000.000 VND, thời hạn vay 13 năm kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên, bao gồm cả 2 năm ân hạn. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Đông Gia Lai cộng với 2,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Gốc vay được trả 06 tháng/lần, ngày cuối cùng gốc vay được trả hết là ngày 23 tháng 8 năm 2039 theo văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 21/79/HĐTD ngày 16 tháng 8 năm 2024 điều chỉnh kế hoạch trả nợ. Như đã trình bày tại thuyết minh số 14, tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hà Tây, bao gồm vốn vay, vốn tự có và nguồn vốn huy động khác (nếu có) và được cầm cố bằng nguồn thu bán điện của nhà máy thủy điện.

Lịch trả nợ các khoản vay như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	11.210.020.467	10.752.432.050
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	51.892.311.968	57.542.334.486
Từ năm thứ 5	141.850.506.717	139.432.177.658
Cộng	204.952.839.151	207.726.944.193
Số phải trả trong 12 tháng	11.210.020.467	10.752.432.050
Số phải trả sau 12 tháng	193.742.818.684	196.974.512.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.330.586.947	1.597.609.463
- Trích trước chi phí lãi vay	5.330.586.947	827.525.065
- Chi phí thưởng an toàn điện	-	262.490.148
- Các khoản trích trước khác	-	507.594.250
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.330.586.947	1.597.609.463

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	118.863.396.631	7.047.919.502
- Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	592.962.982	170.459.668
- Cổ tức phải trả	116.060.619.165	2.212.896.165
- Phải trả phải nộp khác	2.209.814.484	4.664.563.669
b) Dài hạn	30.000.000	30.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
Cộng	118.893.396.631	7.077.919.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	689.986.200.000	1.212.070.479	178.246.008.556	137.451.301.536	9.603.092.400	1.016.498.672.971
- Lãi năm trước	-	-	-	142.464.746.651	228.502.941	142.693.249.592
- Phân phối lợi nhuận (1)	-	-	-	(133.948.516.000)	-	(133.948.516.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.751.000.000)	-	(9.751.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(124.197.516.000)	-	(124.197.516.000)
31/12/2024	689.986.200.000	1.212.070.479	178.246.008.556	145.967.532.187	9.831.595.341	1.025.243.406.563
01/01/2025	689.986.200.000	1.212.070.479	178.246.008.556	145.967.532.187	9.831.595.341	1.025.243.406.563
- Lãi kỳ này	-	-	-	48.456.395.569	(396.739.797)	48.059.655.772
- Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	20.000.000.000	(144.564.352.825)	-	(124.564.352.825)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(10.716.629.825)	-	(10.716.629.825)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(113.847.723.000)	-	(113.847.723.000)
30/06/2025	689.986.200.000	1.212.070.479	198.246.008.556	49.859.574.931	9.434.855.544	948.738.709.510

(1) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/BB-ĐHCĐ ngày 28/06/2024

(2) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/BB-ĐHCĐ ngày 28/04/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng công ty Sông Đà - CTCP	351.610.560.000	351.610.560.000
- Cổ đông khác	338.375.640.000	338.375.640.000
Cộng	689.986.200.000	689.986.200.000

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	689.986.200.000	689.986.200.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	113.847.723.000	124.197.516.000

21.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	68.998.620	68.998.620
+ Cổ phiếu phổ thông	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.998.620	68.998.620
+ Cổ phiếu phổ thông	68.998.620	68.998.620
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21.5 CÁC QUỸ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	198.246.008.556	178.246.008.556
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.212.070.479	1.212.070.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu bán điện	153.031.696.330	146.669.311.825
- Doanh thu khác	634.615.658	274.626.444
Cộng	153.666.311.988	146.943.938.269

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31.4

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn điện đã bán	78.705.922.423	66.860.948.285
Cộng	78.705.922.423	66.860.948.285

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.555.515.602	2.033.342.642
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	402.343	31.915
Cộng	9.555.917.945	2.033.374.557

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí lãi vay	7.300.825.111	8.192.348.039
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	61.390.554	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.531.959.435	4.078.062.559
- Chi phí tài chính khác	521.219	5.690.960
Cộng	9.894.696.319	12.276.101.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	9.394.711.557	8.854.826.680
- Chi phí vật liệu quản lý	896.610.524	442.084.681
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	223.639.312	221.927.188
- Chi phí dự phòng	(7.949.327.049)	(500.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.596.454.437	1.436.023.783
- Chi phí bằng tiền khác	8.682.341.385	5.550.037.690
Cộng	13.844.430.166	16.004.900.022

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	10.169.479.882	6.079.914.653
- Chi phí nhân công	22.219.603.874	20.137.245.895
- Khấu hao tài sản cố định	28.860.535.554	28.374.370.012
- Chi phí dự phòng	(7.949.327.049)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.801.834.226	2.800.203.552
- Chi phí bằng tiền khác	35.448.226.102	25.294.264.195
Cộng	92.550.352.589	82.685.998.307

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	13.111.649.504	12.194.862.993
Công ty CP Sông Đà Tây Nguyên (*)	(318.643.498)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	12.793.006.006	12.194.862.993

(*) Điều chỉnh thuế TNDN năm 2024

29. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	48.456.395.569	41.899.598.520
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	68.998.620	68.998.620
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	702	607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

29. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

Trong kỳ, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thường Ban điều hành, quản lý từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2024. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được tính toán lại trên báo cáo tài chính hợp nhất cả năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung kinh doanh điện thương phẩm, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ và hoạt động trên cùng khu vực địa lý. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

31.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TANG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

Theo quy định của Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao số 001/HĐ/1999/BOT ngày 10 tháng 7 năm 1999 về dự án Thủy điện Cần Đơn giữa Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Sông Đà – CTCP (trước đây là “Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà”), Tổng Công ty Sông Đà có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ Nhà máy và Tài sản tại Nhà máy trong tình trạng hoạt động tốt cho Chính phủ đúng 25 năm sau ngày vận hành kinh doanh của nhà máy. Thời gian chuyển giao sẽ diễn ra vào năm 2028. Trong đó:

- **Sáu tháng trước ngày chuyển giao**, Tổng Công ty Sông Đà sẽ phải mở và duy trì một chứng thư bảo lãnh có hiệu lực 1 năm, bắt đầu từ ngày chuyển giao với giá trị tương đương 350.000 USD nhằm đảm bảo với Chính phủ về trách nhiệm bảo hành Nhà máy trong thời hạn ít nhất 1 năm kể từ thời điểm hoàn thành việc chuyển giao. Tổng Công ty Sông Đà đảm bảo sửa chữa, khắc phục các hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành khi nhận được thông báo từ phía Chính phủ.
- **Một tháng trước ngày chuyển giao**, Tổng Công ty Sông Đà sẽ cùng tổ chức nhận chuyển giao tiến hành thử nghiệm hiệu suất định tính thực tế và hiệu suất của Nhà máy. Trong trường hợp không đạt yêu cầu tối thiểu hiệu suất ban đầu của Nhà máy thì Tổng Công ty Sông Đà sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để nâng cấp Nhà máy nhằm đáp ứng những yêu cầu tối thiểu trên.

Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này cũng như có yếu tố không chắc chắn trong việc ước tính các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai, đồng thời, cho đến hiện nay, Công ty chưa có thông tin liên quan đến chi phí này từ Tổng Công ty Sông Đà (ngoài Hợp đồng ủy quyền số 01/2016/HĐUQ/TCTSD-CANDON ngày 11 tháng 7 năm 2016 giữa Tổng Công ty Sông Đà và Công ty về việc ủy quyền quản lý, vận hành và phát điện Nhà máy thủy điện Cần Đơn), do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng phải trả đối với các chi phí trên.

Ngoài ra, theo quy định hiện hành, Công ty CP Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên – Công ty con có nghĩa vụ phục hồi nguyên trạng mặt đất đã xây dựng Nhà máy Thủy điện Hà Tây của công ty con khi hết thời hạn đầu tư. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các yêu cầu công việc đối với hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty con chưa ước tính và ghi nhận dự phòng hoàn nguyên môi trường.

31.3 THÔNG TIN KHÁC

Vào năm 2012, Công ty đã ký kết các hợp đồng cho vay với Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (“Xi măng Hạ Long”). Công ty cũng đã tính toán bổ sung các khoản lãi cho vay của Xi măng Hạ Long kể từ khi hết thời hạn đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 theo các điều khoản hợp đồng.

Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận lãi cho khoản vay này vào doanh thu tài chính, theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 3 điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC thì lãi suất quá hạn dự thu này chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu tài chính.

Hiện tại, qua quá trình khởi kiện ra Tòa án nhiều năm đối với khoản nợ của Xi măng Hạ Long (bao gồm cả khoản nợ tính thêm từ khi hết hạn thời hạn trả nợ cho tới nay), Công ty đã rút đơn khởi kiện, đồng thời đã có Quyết định từ tòa án về việc ngừng khởi kiện. Ngày 24 tháng 01 năm 2025, Công ty đã nhận được công văn số 84/XMLH-TCKT từ Xi măng Hạ Long về việc xác nhận số nợ vay phải trả cho Công ty và đảm phán lại lịch trả nợ. Hiện tại, Công ty vẫn đang làm việc với Xi măng Hạ Long để thống nhất số nợ và phương án trả nợ phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế.

31.4. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, ngoài các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Tên Công ty		Mối quan hệ	
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP		Công ty mẹ	
- Công ty Cổ phần điện Việt Lào		Cùng Công ty mẹ	
Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Hội đồng quản trị/ Tổng Giám đốc		1.020.376.720	897.404.029
Phạm Văn Viết	Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 28/06/2024)	-	352.795.329
Phạm Đức Thành	Chủ tịch HĐQT	372.644.800	-
Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên HĐQT	405.331.920	379.608.700
Nguyễn Hồng Vân	Thành viên HĐQT	80.800.000	55.000.000
Trần Đức Tân	Thành viên HĐQT	80.800.000	55.000.000
Đỗ Đức Mạnh	Thành viên HĐQT	80.800.000	55.000.000
Ban Kiểm soát		608.169.363	471.384.151
Vũ Ngọc Long	Trưởng ban	273.100.000	200.650.329
Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	59.200.000	43.000.000
Bùi Xuân Ninh	Thành viên (Kiểm trưởng phòng KTKH)	275.869.363	227.733.822
Cộng		1.628.546.083	1.368.788.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

31 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.4. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP		
- Tiền bán điện trong kỳ	88.990.195.433	98.785.121.517
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP trả trong kỳ:	65.654.793.877	105.903.839.216
+ Tiền điện Nhà máy thủy điện Cần Đơn	60.000.000.000	100.000.000.000
+ Gốc vay ADB (gán trừ)	2.867.455.031	2.538.310.436
+ Lãi vay và phí cho vay lại (gán trừ)	2.787.338.846	3.365.528.780
Công ty CP điện Việt Lào		
- Công ty CP điện Việt Lào thanh toán lãi vay	5.721.917.808	500.000.000
- Công ty CP điện Việt Lào thanh toán gốc vay	5.000.000.000	-

31.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đào Thị Bé

Hồ Thị Huế

Nguyễn Quang Tuyền

